TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phUc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 07- 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Ông Đặng Văn Thuận

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST – HNGĐ ngày 27/06/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1994

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trU: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện T,Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị U và anh T (Chị U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lí do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị U trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 05/11/2013 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn hạnh phUc, hòa thuận thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không có tiếng nói chung, tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm sống dẫn đến bất hòa kéo dài thường xuyên cải vã. Nay chị U xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị U và anh T có 01 con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 07/03/2015. Từ khi vợ, chồng sống ly thân cháu N ở với anh T được anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Sau khi ly hôn, chị U đề nghị anh T sẽ là người trực tiếp nuôi con, chị U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng/tháng), cấp dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị U không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Lê Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị U kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 05/11/2013 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Hiện tại chị U muốn ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị U.

Về con chung: Anh T và chị U có 01 con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 07/03/2015. Từ khi vợ, chồng sống ly thân cháu N ở với anh được anh trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Sau khi ly hôn, anh đồng ý sẽ là người trực tiếp nuôi con và chị U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng/tháng), cấp dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đUng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56; 58; 81; 82; 83; 107; 110; 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Lê Văn T. Về con chung: Giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 07/03/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị U có nghĩa vụ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 07/2024 đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Về án phí: Chị U phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Lê Văn T. Anh T cư trU tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T vắng mặt không có lí do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh T và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh T cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị U có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị U và anh T.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U và anh Lê Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 05/11/2013 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị U và anh T đã sống ly thân, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay, chị U yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Lê Văn T là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Bảo N, sinh ngày 07/03/2015. Khi ly hôn, chị U và anh T đều có đề nghị anh T sẽ là người được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N chị U có nghĩa vụ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng/tháng), cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của chị U và anh T là chính đáng và hợp pháp. Hiện nay, cháu N đang sống ổn định cùng bố và nguyện vọng của cháu N cũng muốn ở với bố.Vì vậy, HĐXX xét thấy nên giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị U giao cháu Lê Bảo N cho anh T trực tiếp

nuôi dưỡng, chị U có nghĩa vụ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 07/2024 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản: Chị U và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí về người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82; 83; 107; 110; 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 07/03/2015 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị U có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 07/2024 cho tới khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Chị Nguyễn Thị U có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị U phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị U đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002294 ngày 19/4/2024. Chị Nguyễn Thị U còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị U và anh Lê Văn T. Chị Nguyễn Thị U và anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Sơn, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Mạnh Thìn **Trần Thị Dần** **Bùi Văn Hải**